

Bản án số: 15/2024/HS-ST
Ngày 27-3 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Châu Hải Dương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Dơi tham gia phiên tòa:**
Ông Phạm Hoài Hận - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 02 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 02 năm 2024 đối với các bị cáo:

Bị cáo thứ nhất: Võ Văn L (tên gọi khác LĐ), sinh năm 1972 tại tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: ấp TV, xã PT, huyện PT, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm ruộng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 09/12; con ông Võ Văn Đ và bà Lê Thị B; anh (chị) em ruột gồm có: 07 người; vợ: Lâm Hồng C; con: 03 người; tiền sự: không; tiền án: Năm. Ngày 26.12.2005, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đưa ra xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Võ Văn L về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999, tuyên phạt 03 năm 09 tháng tù, chấp hành xong hình phạt ngày 12.9.2008. Ngày 03.3.2009, Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau đưa ra xét xử đối với bị cáo Võ Văn L về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999, tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù, chấp hành xong hình phạt ngày 25.3.2010. Ngày 07.9.2012, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đưa ra xét xử đối với bị cáo Võ Văn L về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999, tuyên phạt 03 năm tù, chấp hành xong hình phạt ngày 01.9.2014. Ngày 08.6.2015, Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau đưa ra xét xử đối với bị cáo Võ Văn L về tội Trộm cắp tài sản và Cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm a, k, i khoản 1 Điều 104 và khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999, tuyên tổng hợp hình phạt 02 năm tù. Ngày 28.9.2015, Tòa án nhân dân huyện An Minh,

tỉnh Kiên Giang đưa ra xét xử đối với bị cáo Võ Văn L về tội Trộm cắp tài sản và Cướp giật tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 136 và khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999, tuyên tổng hợp hình phạt 06 năm tù và tổng hợp hình phạt chung của bản án này với bản án ngày 08.6.2015 là 08 năm tù, chấp hành xong hình phạt ngày 16.11.2021. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25.5.2023 cho đến nay (có mặt).

Bị cáo thứ hai: Trần Văn C (tên gọi khác: CB), sinh năm 1979 tại tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: khóm NT, thị trấn CN, huyện CN, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: làm thuê; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 02/12; con ông Trần Văn R và bà Bao Thị U; anh (chị) em ruột gồm có: 04 người; vợ: Phan Thị Ngọc T; tiền sự: không; tiền án: 02. Ngày 29.9.2005, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đưa ra xét xử đối với bị cáo Trần Văn C về tội Cướp tài sản theo quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự 1999, tuyên phạt 10 năm tù, chấp hành xong hình phạt ngày 08.02.2013. Ngày 12.9.2017, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đưa ra xét xử đối với bị cáo Trần Văn C về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999, tuyên phạt 05 năm tù, chấp hành xong hình phạt ngày 04.10.2021. Ngoài ra, bị cáo còn bị Tòa án đưa ra xét xử 01 lần về tội trộm cắp tài sản nhưng đã được xóa án tích. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08.12.2023 cho đến nay (có mặt).

Bị cáo thứ ba: Trần Văn M, sinh năm 1987 tại tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: ấp CL, xã PT, huyện PT, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: thợ sửa máy; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 04/12; con ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị L; anh (chị) em ruột gồm có: 06 người; vợ: Trần Thị T; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25.5.2023 cho đến nay (có mặt).

- *Bị hại:* Chị Trần Kim L, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp TĐ, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Nguyễn Văn U, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp XĐ, xã PM, huyện PT, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Chị Trần Thị T, sinh năm 1989; địa chỉ: Ấp CL, xã PT, huyện PT, tỉnh Cà Mau (có mặt).

3. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp BT, xã PM, huyện PT, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

4. Chị Lâm Hồng C, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp TV, xã PT, huyện PT, tỉnh Cà Mau (có mặt).

5. Anh Châu Thanh Đ, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp PT, xã PM, huyện PT, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

6. Anh Nguyễn Trần Tam B, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp XĐ, xã PM, huyện PT, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

7. Anh Đỗ Văn D, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp CĐ, xã PT, huyện PT, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

8. Anh Võ Văn Đ, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp KL, xã HM, huyện CN, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

9. Anh Võ Trọng K, sinh năm 1998; địa chỉ: Ấp PT, xã PM, huyện PT, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

10. Bà Trương Thị L, sinh năm 1949; địa chỉ: Ấp TĐ, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

11. Anh Trần Tấn A; địa chỉ: Khóm A, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

12. Chị Trần Thùy T; địa chỉ: Ấp HG, xã TG, huyện NC, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

13. Chị Trần Kim T; địa chỉ: Ấp TĐ, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

14. Chị Trần Kim B; địa chỉ: Khóm B, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

15. Anh Trần Văn T; địa chỉ: Ấp TĐ, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

16. Anh Trần Văn X; địa chỉ: Khóm C, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

17. Anh Trần Văn H; địa chỉ: Khóm C, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

18. Chị Trần Kim N; địa chỉ: Khóm C, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

19. Anh Trần Trọng H; địa chỉ: Ấp TĐ, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

20. Chị Trần Thị Thảo; địa chỉ: Ấp TĐ, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 14.5.2023, Trần Văn C ở khóm NT, thị trấn CN, huyện CN, tỉnh Cà Mau đến nhà của Võ Văn L ở ấp TV, xã PT, huyện PT, tỉnh Cà Mau chơi. Đến ngày 15.5.2023, L rủ C đi trộm vỏ, máy về để đi cân tôm thì C đồng ý. Do C không điều khiển được vỏ, máy nên L tiếp tục rủ Trần Văn M đi trộm vỏ, máy và trả cho M với số tiền 7.000.000 đồng thì M đồng ý. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, L, C và M cùng nhau điều khiển vỏ, máy đi từ nhà của L đến huyện Đầm Dơi để tìm kiếm vỏ, máy lấy trộm. Khi đi đến khu vực ấp TĐ, xã TD, huyện ĐD, các bị cáo phát hiện ba chiếc vỏ, máy xe loại lớn của chị Trần Kim L đang đậu dưới sông. Lúc này, L, C và M cho vỏ, máy đậu cách vị trí vỏ, máy xe khoảng 900m để quan sát.

Đến khoảng 0 giờ ngày 16.5.2023, các bị cáo bơi vô đến vị trí các vỏ, máy xe. L và M qua vỏ, máy xe lên lút lấy vỏ gỗ Ba Xuyên I, máy xe ISUZU và bơi đi một đoạn. Trên vỏ Ba Xuyên I gồm có các tài sản như: 01 phi dầu đỏ chứa 160 lít dầu, 01 cal nhựa chứa 25 lít dầu đỏ, 03 bình ắc quy hiệu GS (02 bình 100Ah và 01 bình 50Ah), 02 cái bơ mũ, 02 tấm cao su, 02 cây đèn pha, 01 bơm chìm 12V, 01 cuộn ống dẻo, 01 bộ chìa khóa, dây bô, 01 tấm ván tròn, 02 dây đề máy, bộ mui lớn (các đoạn sắt, inox và vải) và 01 cây chổi máy. Liệt từ vỏ máy trộm qua vỏ, máy của Liệt để điều khiển, còn Công qua vỏ, máy xe Ba Xuyên I để rọi đèn cho Mền điều khiển phương tiện đi về huyện Phú Tân. Đồng thời, L kêu C và M điều khiển vỏ, máy xe đến trại vỏ Thành Tân ở ấp Ba Tiệm, xã Phú Mỹ, huyện Phú Tân. L điều khiển vỏ, máy về nhà trước và điều khiển xe máy đến trại vỏ Thành Tân thì M cũng điều khiển vỏ, máy xe về đến trại vỏ. Lúc này, L thuê Nguyễn Văn T chủ trại vỏ, sửa lại chiếc vỏ Ba Xuyên I, nhưng T không đồng ý. L thuê T cầu máy xe lên, còn M tháo mở các bộ phận của máy xe. L lần lượt liên hệ với Châu Thanh Đ, Võ Trọng K là những người chạy đồ dọc và mượn vỏ của T để chở lần lượt các tài sản trộm được đi cất giấu, sửa chữa ở nhà M tại ấp CL, xã T, huyện PT và nhà Nguyễn Trần Tam B tại ấp XD, xã PM, huyện PT. Trong quá trình chở đồ thì L, M có cho K mượn 01 bình ắc quy 100Ah, Đ mượn 01 bình ắc quy 50Ah. Sau đó, L cho Võ Văn Đ, Đỗ Văn D 10 tấm sạp vỏ, còn L đem về nhà cất giấu 60 lít dầu đỏ, 02 dây đề, 02 sạp vỏ, 02 cái bơ và 05 cây kéo. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, L mượn vỏ, máy của K và cùng với C đến trại vỏ Thành Tân kéo vỏ trộm đi đến Đàm Thị Tường ở ấp Thọ Mai, xã Phú Mỹ, huyện Phú Tân thì L và C bỏ vỏ trộm được, rồi cùng nhau về.

Bản Kết luận định giá tài sản số 09/KL-ĐGHS ngày 24.5.2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đàm Dơi kết luận như sau:

- Một vỏ bằng gỗ, số ĐKHC CM-00862, kích thước 21.6m x 2.25m x 0.95m giá trị sử dụng còn lại 70% thành tiền là 224.000.000 đồng.
- Một máy ISUZU, số chế tạo 520812, công suất 120CV giá trị sử dụng còn lại 70% thành tiền là 108.500.000 đồng.
- 185 lít dầu đỏ 0.05%_S (185 lít x 18.000 đồng/lít) thành tiền 3.330.000 đồng.
- Một dàn cầu máy ISUZU (bao gồm: 01 bọc láp, 01 cây láp, kệt đăng) giá trị sử dụng còn lại 70% thành tiền là 15.400.000 đồng.
- Một mâm rai, hộp số ISUZU giá trị sử dụng còn lại 80% thành tiền là 18.400.000 đồng.
- Một cây chổi máy (bao gồm: 03 đoạn inox loại phi 60 dài 85cm, phi 49 dài 67cm, phi 40 dài 35cm) giá trị sử dụng còn lại 70% thành tiền là 980.000 đồng.
- Một cần cung giàn cầu máy ISUZU giá trị sử dụng còn lại 70% thành tiền là 560.000 đồng.
- Một chân vịt máy ISUZU (bằng inox 72cm) giá trị sử dụng còn lại 70% thành tiền là 7.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là 378.170.000 đồng.

Bản Kết luận định giá tài sản số 21/KL-ĐGHS ngày 27.7.2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đầm Dơi kết luận như sau:

- 03 cái bình ắc qui hiệu GS (02 cái bình 100Ah định giá 3.360.000 đồng, 01 cái bình 50Ah định giá 880.000 đồng) còn 80% thành tiền là 4.240.000 đồng.

- 02 cái bơ mủ (loại 750 lít/cái, cao 0,8m x đường kính 1,2m) còn 90% thành tiền là 2.250.000 đồng.

- 27m cao su khổ 4m (01 cao su sọc mã lai dài 17m; 01 cao su xanh dài 10m) còn 70% thành tiền là 604.800 đồng.

- 02 đèn pha còn 80% thành tiền là 560.000 đồng.

- 01 cái bơm chìm 12V, giá bán 490.000 đồng/cái còn 75% thành tiền là 367.500 đồng.

- 01 cuộn ống dẻo (phi 27) dài 50m, còn 80% thành tiền là 400.000 đồng.

- 01 bộ chìa khóa (gồm mở lết, chìa khóa...) còn 90% thành tiền là 180.000 đồng.

- Dây bô (phi 16) dài 45m tương đương 7.5kg còn 70% thành tiền là 525.000 đồng.

- 01 phi bằng nhựa (loại 160 lít) còn 70% thành tiền là 175.000 đồng.

- 01 cal nhựa 30 lít còn 70% thành tiền là 28.000 đồng.

- 01 tấm ván tròn, loại cây trám, dày 4 phân, dài 4,5m còn 70% thành tiền là 315.000 đồng.

- Còng dây đề (phi 12) dài 2,5m và 3,1m, số lượng 5,6m còn 80% thành tiền là 67.200 đồng.

- Ống Inox (phi 21), dài 3,54m/ống, loại 03 ly, nặng 18,5kg/03 ống thành tiền là 1.230.000 đồng.

- Bộ mui lón (gồm 2 cây sắt phi 21, loại 03 li, dài 4,38m, nặng 8,8kg; 01 cây inox phi 27, loại 03 li, dài 4,94m, nặng 8,5kg; vải 2,2m x 2,5m loại vải sên xìn), số lượng 01 tấm thành tiền là 1.208.000 đồng.

- Tổng giá trị tài sản là 12.150.500 đồng.

Vật chứng thu giữ:

- 01 vỏ cây tên Ba Xuyên I, dài 21,6m số đăng ký CM.00862.

- 01 đầu máy xe, có lốc máy được sơn màu xanh, số máy 520812.

- 01 hộp số máy xe ISUZU 120CV, bằng kim loại, có sơn màu xanh.

- 01 chân vịt máy bằng kim loại màu trắng.

- 01 cây chổi máy (bao gồm: 03 đoạn inox loại phi 60 dài 85cm, phi 49 dài 67cm, phi 40 dài 35cm).

- 01 máy bơm chìm màu trắng.

- 01 dàn cầu máy bằng kim loại, màu trắng; 01 bọc láp; 01 cây láp máy.
 - 01 cây kéo mui bằng kim loại.
 - 01 bộ tay cầm tự chế gắn vào máy xe ISUZU 6.
 - 01 cal nhựa loại 30 lít, 60 lít dầu.
 - 02 sợi dây điện màu đỏ (01 sợi dây dài 3,1m, 01 sợi dài 2,5m).
 - 02 bình ắc quy hiệu GS (01 bình 100Ah, 01 bình 50Ah).
 - 12 tấm sạp vỏ được lắp keo Composite bên ngoài.
 - 01 tấm ván tròn; 01 cao su sọc mã lai.
 - 05 cây kéo mui, có 03 cây bằng inox, loại phi 21, dài 3,54m/cây; 02 cây bằng sắt, loại phi 21, dài 4,38m/cây.
 - 02 cái bơ màu xanh, loại 750 lít, đường kính 1,2m x cao 0,8m.
- Đối với số vật chứng trên đã trả lại cho chị Trần Kim L.
- 01 cal nhựa loại 30 lít.
 - 01 chiếc vỏ Composite, màu xanh trắng, nhãn hiệu Hữu Vui dài 5,7m.
 - 01 máy nổ hiệu Honda loại 11HP, dàn cầu, bọc láp, chân vịt bằng inox, số máy GC-3662534.

Về phần dân sự: Chị Trần Kim L không yêu cầu bồi thường do các bị cáo đã bồi thường 30.613.000 đồng.

Từ những tình tiết nêu trên, tại Cáo trạng số 14/CT-VKS ngày 01/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi đã truy tố các bị cáo Võ Văn L, Trần Văn C và Trần Văn M về tội “*trộm cắp tài sản*” theo điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung Cáo trạng đã nêu.

- Chị Trần Kim Lớn đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo L. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo C. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo M. Tuyên bố các bị cáo L, C và M phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt: Bị cáo L từ 09 năm đến 10 năm tù; bị cáo C từ 08 năm đến 9 năm tù; bị cáo M từ 07 năm đến 8 năm tù. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 chiếc vỏ Composite, màu xanh trắng, nhãn hiệu Hữu Vui dài 5.7m. 01 máy nổ hiệu

Honda loại 11HP, dàn cầu, bọc lốp, chân vịt bằng inox, số máy GC-3662534. Tịch thu tiêu hủy 01 cal nhựa loại 30 lít. Bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Các bị cáo L, C và M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đàm Dơi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự:

[2.1] Về tội danh: Tại phiên tòa, các bị cáo L, C và M thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi truy tố. Lời thừa nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời trình bày của các bị cáo, bị hại, phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: khoảng 00 giờ ngày 16/5/2023 tại nhà chị Trần Kim L tọa lạc ấp TĐ, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau các bị cáo L, C và M đã lén lút chiếm đoạt: vỏ gỗ Ba Xuyên I, máy xe ISUZU và bơi đi một đoạn. Trên vỏ Ba Xuyên I gồm có các tài sản như: 01 phi dầu đỏ chứa 160 lít dầu, 01 cal nhựa chứa 25 lít dầu đỏ, 03 bình ắc quy hiệu GS (02 bình 100Ah và 01 bình 50Ah), 02 cái bơ mủ, 02 tấm cao su, 02 cây đèn pha, 01 bơm chìm 12V, 01 cuộn ống dẻo, 01 bộ chìa khóa, dây bê, 01 tấm ván tròn, 02 dây đề máy, bộ mui lớn (các đoạn sắt, inox và vải) và 01 cây chổi máy. Tổng giá trị tài sản là 390.320.500đ.

Tại điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định: *“Phạm tội một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:*

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng”

Do đó, Cáo trạng số 14/CT-VKS ngày 01/02/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi đã truy tố các bị cáo Võ Văn L, Trần Văn C và Trần Văn M về tội *“Trộm cắp tài sản”* theo điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Xét tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, các bị cáo đã lợi dụng

đêm khuya, không người trông coi tài sản để thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Trước, trong và sau khi phạm tội, các bị cáo nhận thức được hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật nhưng vẫn bất chấp thực hiện nhằm thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Hành vi của các bị cáo không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương.

[2.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, các bị cáo đã có thái độ thành khẩn khai báo; bị cáo L và bị cáo M đã tác động đến người thân mỗi bị cáo bồi thường cho bị hại 15.306.500đ; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho bị cáo L, bị cáo M; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho bị cáo C.

[2.4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo L và C phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài nhằm răn đe và cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội. Bị cáo L là người rủ rê và trực tiếp thực hiện tội phạm, giữ vai trò chủ yếu và được hưởng lợi về tài sản nên có mức hình phạt cao nhất. Bị cáo C và bị cáo M là người trực tiếp thực hiện tội phạm, không được hưởng lợi về tài sản nên mức hình phạt thấp hơn bị cáo L. Bị cáo M có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, không có tiền án, tiền sự nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

[3] Đối với anh anh Nguyễn Văn U, Nguyễn Văn T, anh Châu Thanh Đ, anh Võ Trọng K, anh Nguyễn Trần Tam B, anh Võ Văn Đ, anh Đỗ Văn D không biết võ, máy cùng các tài sản khác là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có nên không đặt ra xử lý là phù hợp.

[4] Về xử lý vật chứng: 01 vỏ cây tên Ba Xuyên I, dài 21,6m số đăng ký CM.00862; 01 đầu máy xe, có lốc máy được sơn màu xanh, số máy 520812; 01 hộp số máy xe ISUZU 120CV, bằng kim loại, có sơn màu xanh; 01 chân vịt máy bằng kim loại màu trắng; 01 cây chổi máy (bao gồm: 03 đoạn inox loại phi 60 dài 85cm, phi 49 dài 67cm, phi 40 dài 35cm); 01 máy bơm chìm màu trắng; 01 dàn cầu máy bằng kim loại, màu trắng; 01 bọc lốp; 01 cây lốp máy; 01 cây kéo mui bằng kim loại; 01 bộ tay cầm tự chế gắn vào máy xe ISUZU 6; 01 cal nhựa loại 30 lít, 60 lít dầu; 02 sợi dây điện màu đỏ (01 sợi dây dài 3,1m, 01 sợi dài 2,5m); 02 bình ắc quy hiệu GS (01 bình 100Ah, 01 bình 50Ah); 12 tấm sập vỏ được lắp keo Composite bên ngoài; 01 tấm ván tròn; 01 cao su sọc mã lai; 05 cây kéo mui, có 03 cây bằng inox, loại phi 21, dài 3,54m/cây; 02 cây bằng sắt, loại phi 21, dài 4,38m/cây; 02 cái bơ màu xanh, loại 750 lít, đường kính 1,2m x cao 0,8m. Đối với số vật chứng trên đã trả lại cho chị L là phù hợp quy định của pháp luật.

01 chiếc vỏ Composite, màu xanh trắng, nhãn hiệu Hữu Vui dài 5,7m; 01 máy nổ hiệu Honda loại 11HP, dàn cầu, bọc lớp, chân vịt bằng inox, số máy GC-3662534 là tài sản dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Bị cáo không yêu cầu nhận lại 01 cal nhựa loại 30 lít và tài sản trên không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp. Chị Trần Thị T, chị C không yêu cầu bị cáo hoàn trả lại số tiền đã bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Võ Văn L.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Văn C.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Văn M.

Tuyên bố: Các bị cáo Võ Văn L, Trần Văn C và Trần Văn M phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo Võ Văn L 08 (tám) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/5/2023.

Bị cáo Trần Văn C 07 (bảy) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/12/2023.

Bị cáo Trần Văn M 06 (sáu) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/5/2023.

2. Về vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc vỏ Composite, màu xanh trắng, nhãn hiệu Hữu Vui dài 5,7m; 01 máy nổ hiệu Honda loại 11HP, dàn cầu, bọc lớp, chân vịt bằng inox, số máy GC-3662534.

Tịch thu và tiêu hủy 01 cal nhựa loại 30 lít.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 01/02/2024).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Võ Văn L, Trần Văn C và Trần Văn M mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, chị L, chị Trần Thị T, chị C và chị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Quốc Trọng

